

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2022/HS-ST
Ngày 15-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Cảnh

Ông Bùi Đình Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Toà án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2022/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

H, sinh năm 1994 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Quý và bà Trần Thị Tuyết; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 49/2020/HSST ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09 tháng 5 năm 2020, ngày 25 tháng 01 năm 2022 H chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 115/2011/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã xóa án tích); bị tạm giữ ngày 31 tháng 7 năm 2022 đến ngày 06 tháng 8 năm 2022 chuyển tạm giam; có mặt.

- Bị hại:

Anh S, sinh năm 2002; nơi cư trú: Khu G, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Anh B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh V, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30 tháng 7 năm 2022 anh S, sinh năm 2002; nơi cư trú: Khu G, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Quảng Ninh đến Công an xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng trình báo về việc ngày 29 tháng 7 năm 2022 anh S nằm ngủ tại phòng khách nhà bà Nguyễn Thị Ninh ở thôn Đàm, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, khi ngủ dậy anh S phát hiện bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ đang cầm sạc và 01 chiếc ví giả da bên trong có số tiền 700.000 đồng, 01 thẻ căn cước công dân số 022202006499 mang tên S do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03 tháng 11 năm 2019, 01 giấy phép lái xe số 220209013937 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2020 và 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên S. Quá trình điều tra qua phần mềm tìm kiếm của điện thoại Iphone đã xác định được chiếc điện thoại của anh S bị mất ở quán sửa chữa, mua bán điện thoại của anh T, sinh năm 1987 ở thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại này cho Cơ quan Công an. Tiến hành xác minh Cơ quan Công an xác định H, sinh năm 1994; nơi cư trú: Thôn 1, xã Thủy Triều, huyện TN, thành phố Hải Phòng đã chiếm đoạt tài sản trên của anh S.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại thôn 1, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN đã thu giữ 01 ví giả da bên trong có 01 thẻ căn cước công dân số 022202006499 mang tên S do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03 tháng 11 năm 2019, 01 giấy phép lái xe số 220209013937 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2020, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên S và số tiền 52.000 đồng trên nóc tủ trong nhà bếp của H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN H khai: Do bản thân nghiện chất ma túy và không có việc làm nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 06 giờ ngày 15 tháng 7 năm 2022 H đi bộ một mình từ nhà ở thôn 1, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng đến khu vực thôn Đông, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng thì phát hiện có 01 chiếc xe máy điện màu đỏ đen dựng trong sân nhà anh B, cổng mở, không có người trông coi. H đi vào trong sân thấy chìa khoá xe vẫn cắm ở ổ khoá, H dắt xe ra ngoài cổng nhà anh B rồi mở khoá điện ngồi lên xe đi về hướng xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Khi đi được khoảng 200m thì xe hết điện nên H đã dắt chiếc xe trên

đến cửa hàng sửa chữa xe máy của anh V, sinh năm 1983 ở thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng bán được số tiền 500.000 đồng H ăn tiêu hết. Khi bán xe máy điện cho anh V, H không nói cho anh V biết là tài sản do trộm cắp mà có. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 29 tháng 7 năm 2022 H đi bộ một mình từ nhà ở thôn 1, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng đến khu vực thôn Đàm, xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, H quan sát thấy cổng nhà bà Nguyễn Thị Ninh mở nên H đi vào trong sân thì phát hiện trong nhà có anh S, sinh năm 2002; nơi cư trú: Khu G, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Quảng Ninh đang ngủ dưới chiếu gần cửa ra vào bên cạnh có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ đang cắm sạc và 01 chiếc ví giả da màu ghi xám. H quan sát không thấy có ai ở trong nhà nên H đã lấy điện thoại di động và ví giả da trên rồi đi ra ngoài đường. Khi đi ra ngoài đường H kiểm tra bên trong ví giả da có số tiền 700.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân mang tên S, H đã sử dụng ăn tiêu hết số tiền 648.000 đồng. Đến trưa cùng ngày H mang chiếc ví giả da bên trong còn số tiền 52.000 đồng và giấy tờ tùy thân mang tên S về nhà cất giấu trên nóc tủ gỗ trong phòng bếp nhà H rồi mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng của anh T, sinh năm 1987 ở thôn 12, xã L, huyện TN, thành phố Hải Phòng bán được số tiền 500.000 đồng, H sử dụng ăn tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TN kết luận 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ dung lượng 64GB đã qua sử dụng trị giá 6.900.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TN kết luận 01 xe máy điện kiểu dáng Nijia màu đen - đỏ - xám đã qua sử dụng trị giá 1.300.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN bị hại là anh S khai phù hợp với lời khai của H và khai chiếc ví giả da đã cũ không còn giá trị sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ, 01 ví giả da bên trong có 01 thẻ căn cước công dân số 022202006499 mang tên S do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03 tháng 11 năm 2019, 01 giấy phép lái xe số 220209013937 do Sở Giao thông Vận tải tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 21 tháng 9 năm 2020, 01 thẻ ngân hàng Vietcombank mang tên S và số tiền 52.000 đồng cho anh S, nay anh S không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 648.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN bị hại là anh B khai phù hợp với lời khai của H và khai Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN đã trả lại 01 xe máy điện kiểu dáng Nijia cho anh B, gia đình H đã bồi thường chi phí sửa chữa xe số tiền là 1.500.000 đồng cho anh B, nay anh B không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh V khai khi mua 01 xe máy điện kiểu dáng Nijia của H, anh V không biết tài sản do H trộm cắp mà có. Anh V đã tự nguyện giao nộp lại

tài sản trên cho Cơ quan Công an. Nay anh V không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng mà anh V đã bỏ ra mua xe máy điện của H.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh T khai khi mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của H, anh T không biết tài sản do H trộm cắp mà có. Anh T đã tự nguyện giao nộp lại tài sản trên cho Cơ quan Công an. Nay anh T không yêu cầu H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng mà anh T đã bỏ ra mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 của H.

Bản cáo trạng số 112/CT-VKSTN ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội đối với bị cáo H, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị kết tội bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo toàn bộ nội dung cáo trạng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H từ 24 đến 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 31 tháng 7 năm 2022). Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H. Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN và Kiểm sát viên thu thập và tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Các chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện TN, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, Kiểm sát viên thu thập và hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về trình tự thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, Kiểm sát viên thu thập và không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thu thập và thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS ngày 01 tháng 8 năm 2022 và kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TN, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 15 tháng 7 năm 2022 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 xe máy điện kiểu dáng Nijia màu đen - đỏ - xám trị giá 1.300.000 đồng của anh B tại thôn O, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Ngày 29 tháng 7 năm 2022 bị cáo H đã thực hiện hành vi lén lút để chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ trị giá 6.900.000 đồng và số tiền 700.000 đồng của anh S tại thôn Đ, xã T, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Do đó bị cáo H đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị kết tội bị cáo H về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng điều luật.

[3] Xem xét đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và quyết định hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo H là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo H đã thành khẩn khai báo, gia đình bị cáo H đã bồi thường thiệt hại cho bị hại đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo H, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H phạm tội ít nghiêm trọng nhưng nhân thân bị cáo H đã 02 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tạo tu dưỡng trở thành người có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù với mức hình phạt cao trên khởi điểm của khung hình phạt, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định theo đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét bị cáo H không có nghề nghiệp và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo H.

[4] Về bồi thường thiệt hại: Bị hại là anh S và anh B đã nhận lại tài sản, nay không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh V không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng đã bỏ ra mua xe máy điện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh T không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường số tiền 500.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Trong vụ án này anh T và anh V có hành vi mua tài sản của H nhưng anh T và anh V không biết các tài sản này do H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TN không xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo H 30 (Ba mươi) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 31 tháng 7 năm 2022).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Hiền

